

Số:8412/PA-UBND

Mỹ Thời, ngày 30 tháng 7 năm 2026

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

**Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với
ông Trần Ngọc Phương khi Nhà nước thu hồi đất
để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Phát triển kết cấu
hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống, tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính Phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống;

Căn cứ Quyết định số 56/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Phân cấp thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 57/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 8384/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 của UBND phường Mỹ Thời về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để đầu tư dự án Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Vàm Cống (Đợt 4);

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 802/TTr-PKTHĐT ngày 24/7/2026.

1. Thông tin người có đất, tài sản thu hồi:

- Ông Trần Ngọc Phương: Sinh năm 1971, số CCCD 089071016156.
- Địa chỉ thường trú: khóm.Đông Thạnh A, phường Mỹ Thời.
- Phương án số: 28

2. Thông tin về đất đai:

- Vị trí thửa đất thu hồi: Khu vực còn lại

- Diện tích: 356,90 m².
- Số tờ: 84, số thửa 110
- Loại đất thu hồi: LUC
- Nguồn gốc thửa đất: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ vào sổ CS07081 do Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang cấp ngày 04/8/2016.

3. Loại tài sản:

3.1. Về đất đai:

Loại đất	Diện tích (m ²)
Đất LUC	185,10
Đất LUC (đề nghị thu hồi)	171,80
Tổng	356,90

3.2. Loại tài sản trên đất (cây trồng, vật nuôi/công trình xây dựng, nhà)

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Xoài	cây	2,00
Ổi	cây	9,00
Cây Xộp	cây	2,00
Trúc	bụi	1,00
Tre măng tông	cây	5,00
Dâu tằm	cây	1,00
Bông Trang	cây	3,00
Hạnh	cây	2,00
Sầu đầu 04 năm	cây	3,00
Dừa	cây	12,00
Đu đủ	cây	3,00
Sầu riêng	cây	1,00
Tổng		

3.3. Về hạng mục nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc xây dựng trên đất:

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Nhà	m ²	83,60
Nhà (còn lại)	m ²	33,70
Mái che	m ²	23,00
Mái che (còn lại)	m ²	9,10
Mái che	m ²	9,40
Mái che (còn lại)	m ²	0,70
Sân xi măng	m ²	27,80
Quách	cái	3,00
Đồng hồ điện	cái	1,00

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích - khối lượng
Đồng hồ nước	cái	1,00
Internet	cái	1,00
Tổng		

4. Các khoản Bồi thường (4.1+4.2+4.3): 464.626.635 đồng.

4.1. Bồi thường đất đai:

Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá bồi thường (đồng)	Thành tiền bồi thường (đồng)
Đất LUC	185,10	557.495	103.192.325
Đất LUC (đề nghị thu hồi)	171,80	557.495	95.777.641
Tổng			198.969.966

4.2. Kinh phí bồi thường cây trồng:

Loại cây	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Xoài	2,00	4.240.000	8.480.000
Ổi	9,00	571.000	5.139.000
Cây Xộp	2,00	600.000	1.200.000
Trúc	1,00	600.000	600.000
Tre măng tông	5,00	240.000	1.200.000
Dâu tằm	1,00	390.000	390.000
Bông Trang	3,00	100.000	300.000
Hạnh	2,00	500.000	1.000.000
Sầu dâu 04 năm	3,00	547.000	1.641.000
Dừa	12,00	1.708.000	20.496.000
Đu đủ	3,00	146.000	438.000
Sầu riêng	1,00	4.500.000	4.500.000
Tổng			45.384.000

4.3. Kinh phí bồi thường vật kiến trúc:

Hạng mục	Diện tích/ khối lượng	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)
Nhà	83,60	2.547.000	60%	127.757.520
Nhà (còn lại)	33,70	2.547.000	60%	51.500.340
Mái che	23,00	1.421.419	60%	19.615.582
Mái che (còn lại)	9,10	1.421.419	60%	7.760.948
Mái che	9,40	1.421.419	60%	8.016.803
Mái che (còn lại)	0,70	1.421.419	60%	596.996
Sân xi măng	27,80	136.000	60%	2.268.480

Hạng mục	Diện tích/ khối lượng	Đơn giá (đồng)		Thành tiền (đồng)
Quách	3,00	205.000	100%	615.000
Đồng hồ điện	1,00	1.427.000	100%	1.427.000
Đồng hồ nước	1,00	509.000	100%	509.000
Internet	1,00	205.000	100%	205.000
Tổng				220.272.669

5. Các khoản hỗ trợ và hỗ trợ khác (5.1+5.2+5.3+5.4+5.6+5.7): 172.710.800 đồng.

5.1. Hỗ trợ ổn định đời sống:

Loại hỗ trợ	Số khẩu	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Chi phí di chuyển		01	17.000.000	1.530.000	
Hỗ trợ ổn định đời sống		01	1.530.000	17.000.000	
Tổng				18.530.000	

5.2. Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh:

5.3. Hỗ trợ di dời vật nuôi:

5.4. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)	Diễn giải
Đất LUC	185.10	432.000	79.963.200	
Đất LUC (đề nghị thu hồi)	171.80	432.000	74.217.600	
Tổng cộng			154.180.800	

5.5. Hỗ trợ tái định cư: Không có

5.6. Bồi thường, hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời: Không có

5.7. Các khoản hỗ trợ khác: Không có

Loại hỗ trợ	Diện tích - Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
Tổng			

6. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (4 + 5): 637.337.435 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn, bốn trăm ba mươi lăm đồng).

7. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

8. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng đất với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có.

9. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): không có

10. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất (nếu có): không có

11. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): không có

12. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): không có

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Trưởng phòng Văn hoá - Xã hội phường, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường, Giám đốc Phòng Giao dịch Số 6 Kho bạc Nhà nước Khu vực XX, Trưởng Thuế Cơ sở 7 tỉnh An Giang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực liên xã, phường Long Xuyên, người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành phương án này. /

Nơi nhận:

- Sở NN và MT AG;
- Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh;
- Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T;
- TT. Đảng ủy – HĐND;
- CT và PCT phường;
- Trang TTĐT phường;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thành Nhơn